

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 72/IZI-TH ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 (bao gồm phần mở rộng 13,1 ha) tại phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm, địa chỉ tại Đường số 01, Khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 (bao gồm phần mở rộng 13,1 ha) có địa chỉ tại phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 (bao gồm phần mở rộng 13,1 ha).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số 0400572788 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14/5/2020.

1.4. Mã số thuế: 0400572788.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Gia công cơ khí, tráng phủ kim loại không có mạ*	C25920
2	Dịch vụ logistic (kho bãi và lưu giữ hàng hóa)	H5210

STT	Ngành nghề	Mã ngành
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933
4	Bốc xếp hàng hóa	H5224
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	H5229
6	SX cấu kiện kim loại	C2511
7	Dịch vụ đóng gói	N8292
8	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	C2651
9	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	C2732
10	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	C27330
11	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C27400
12	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	C17021
13	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C17090
14	In ấn	C18110
15	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C3100
16	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	C16291
17	Sản xuất khí công nghiệp	C20111
18	Sản xuất bột trét tường (matit)	C20221
19	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C2100
20	Sản xuất bao bì từ plastic	C2220
21	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	C2219
22	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C2599
23	Sản xuất các linh kiện điện tử	C2610
24	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	C2640
25	Sản xuất thiết bị điện khác	C2790
26	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C3240
27	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C3250
28	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C3290
29	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C14100
30	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	L68104
31	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M71200
32	Xuất bản phần mềm	J5820
33	Sửa chữa máy móc thiết bị	C3312
34	Truyền tải và phân phối điện	D3512
35	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	C2822
36	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	C1391
37	Sản xuất hàng dệt khác chưa phân vào đâu	C1399

Ghi chú: (*) Trừ Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung có công đoạn mạ đã tồn tại từ trước

khi hình thành khu công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích: Giai đoạn 1 có diện tích 136,73 ha.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày tháng năm 2023 đến ngày tháng năm 2030).

Các Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 82/GXN-TCMT ngày 08/9/2016 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 51/GXN-BTNMT ngày

24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Đà Nẵng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng;
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các KCN Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm;
- Lưu: VT, KSONMT, Q12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của khu công nghiệp trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng điều hành Khu công nghiệp Hòa Cầm. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn thuộc nhà điều hành Khu công nghiệp Hòa Cầm. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ, sau đó thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng điều hành trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ (đoạn sông thuộc địa bàn phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.769.767; Y = 547.313 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°). Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ Trạm xử lý nước thải tập trung được bơm cưỡng bức theo đường ống HDPE ra sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ thuộc phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (dẫn về phía hạ lưu cửa thu nước mặt của Nhà máy nước Cầu Đỏ).

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/L	67,5		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	45		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5		Đã lắp đặt
6	Độ màu	Pt/Co	50		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		-
8	Asen (As)	mg/l	0,045		-
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045		-
10	Chì (Pb)	mg/l	0,09		-
11	Cadimi	mg/l	0,045		-
12	Crom VI	mg/l	0,045		-
13	Crom III	mg/l	0,18		-
14	Đồng	mg/l	1,8		-
15	Kẽm	mg/l	2,7		-
16	Niken	mg/l	0,18		-
17	Mangan	mg/l	0,45		-
18	Sắt	mg/l	0,9		-
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		-
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		-
22	Sunfua	mg/l	0,18		-
23	Florua	mg/l	4,5		-
24	Clo dư	mg/l	0,9		-
25	Tổng nitơ	mg/l	18		-
26	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		-
27	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		-
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 năm/lần	-
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		-
32	Tổng PCB	mg/l	0,0027		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải từ nguồn số 01 đến số 03: Được thu gom bằng đường ống HDPE và tự chảy về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.
- Nước thải từ nguồn số 04: Được thu gom bằng đường ống uPVC và tự chảy về Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố ga nước thải đầu vào → Bể thu gom, điều hòa kết hợp lắng → Bể trộn hóa chất → Bể kỵ khí → Bể Aeroten (02 bể) → Bể lắng tròn → Hồ sinh học 1 → Bể sục khí → Hồ sinh học 2 → Hồ sinh học 3 → Bể khử trùng → Bể bơm nước thải sau xử lý → sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ (phía hạ lưu cửa thu nước mặt của Nhà máy nước Cầu Đỏ).

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Fe(OH)₃, FeCl₂, Ca(OCl)₂, NaOCl, Ca(OH)₂, H₂SO₄, PAC, vi sinh các loại, hóa chất khử mùi, hóa chất khử rong (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: Sau bể khử trùng nước thải sau xử lý.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.
- Camera theo dõi: Có camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 4.000 m³. Thành và đáy hồ lót HDPE để ngăn ngừa nước thải thẩm thấu ra môi trường đất. Mục nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3m ÷ +0,5m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải thông qua hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, đóng cửa xả nước thải và dùng bơm nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về hồ sự cố trước khi bơm về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố không thể vận hành, nước thải

đầu vào được bơm về hồ sự cố để lưu chứa. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận của trạm xử lý, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải vào trạm xử lý là 30%, lượng còn lại được dẫn về hồ sự cố. Điều hướng, dẫn nước thải sau xử lý về hồ sự cố cho đến khi nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào để tiếp tục xử lý, bảo đảm không gây sốc tải cho trạm xử lý nước thải tập trung.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ duy tu, bảo trì thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của cơ sở thứ cấp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
5	COD	mg/L	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải do hạng mục Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ) đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 51/GXN-BTNMT ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời hồ sơ cố không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu công nghiệp Hòa Cẩm - Giai đoạn 1 và Giai đoạn 1 mở rộng, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Hòa Cẩm - Giai đoạn 1 và Giai đoạn 1 mở rộng. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động,

liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng để được kiểm tra, xác nhận việc kết nối truyền, nhận dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

3.7. Cải tạo bể khử trùng của trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo việc khử trùng nước thải ổn định và đạt hiệu quả, thời hạn hoàn thành chậm nhất vào ngày 30/9/2023.

3.8. Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí tại bể Aerotank 1.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí tại bể Aerotank 2.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng công suất 75 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.769.728; Y = 545.436.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.769.665; Y = 545.447.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1.770.937; Y = 545.590.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày..... tháng..... năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải.	08 02 04	2
2	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	12
3	Bóng đèn huỳnh quang thải.	16 01 06	5
4	Bao bì nhựa cứng thải.	18 01 03	25
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	10
6	Ắc quy chì thải.	19 06 01	10
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	700
Tổng khối lượng			764

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,1 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị các thùng có nắp đậy, dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

a) Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 01 (lưu chứa các chất thải nguy hại phát sinh tại văn phòng điều hành khu công nghiệp):

- Diện tích kho: 10,8 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường gạch, có mái che, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có rãnh, hố ga thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

b) Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 02 (lưu chứa các chất thải nguy hại phát sinh tại trạm xử lý nước thải tập trung):

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường gạch, có mái che, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có rãnh, hố ga thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải (chất thải công nghiệp phải kiểm soát):

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 sân phơi bùn diện tích 200 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Sân phơi bùn có nền bê tông, có hệ thống thu gom nước thải đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày..... tháng..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Các công trình, hạng mục công trình của Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 (bao gồm phần mở rộng 13,1 ha) còn tiếp tục thực hiện theo nội dung Quyết định số 1833/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 mở rộng (phần mở rộng 13,1 ha)” tại phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, gồm:

1. Hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật cho Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 mở rộng có diện tích 13,1 ha.

2. Kết nối hạ tầng kỹ thuật về thu gom nước mưa, nước thải với hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1. Nước thải phát sinh từ Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 mở rộng dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 để xử lý.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1 mở rộng:

3.1. Về thu gom, thoát nước mưa; thu gom và xử lý nước thải:

- Sử dụng nhà vệ sinh của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Cầm - Giai đoạn 1.

- Bố trí nhà vệ sinh di động tại công trường. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo thực tế phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái trong khu vực.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; thường

xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng. Chất thải rắn sinh hoạt tại công trường được thu gom và lưu giữ trong các thùng chứa rác; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Các loại chất thải như đất, đá, vật liệu xây dựng được thu gom và sử dụng để san lấp mặt bằng, không đổ chất thải ra khu vực đất canh tác nông nghiệp, khu dân cư tại địa phương.

- Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa; thực hiện hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu; thực hiện hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tiếng ồn, độ rung đạt các Quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất trồng cây xanh theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh trong Khu công nghiệp song song với quá trình thi công xây dựng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.